

K

**HỎ
CỔ
HỌC**



4

1991

Tổng biên tập
Hà Văn Tấn
Phó tổng biên tập
Chữ Văn Tàn

MỤC LỤC

Số 4
1991

	<i>Trang</i>
Bùi Vinh	
Nguồn gốc ra đời các trung tâm gốm đá mới Việt Nam	1
Hán Văn Khẩn và Nguyễn Xuân Mạnh	
Vài nhận xét bước đầu về diễn biến của đồ gốm di chỉ Đồng Đậu (Qua tài liệu khai quật lần 5)	9
Nguyễn Chiêu, Lâm Mỹ Dung và Vũ Thị Ninh	
Đồ gốm trong cuộc khai quật di chỉ Chàm cổ ở Trà Kiệu năm 1990	19
Phòng NCKHHLS (Viện KCH) và BT Hải Hưng	
Khai quật di chỉ gốm sứ Hợp Lễ (Hải Hưng) lần thứ ba (báo cáo sơ bộ)	31
Nguyễn Văn Y	
Đồ gốm hoa lam và đồ gốm đàn qua một số trung tâm sản xuất	37
Phạm Quốc Quân	
Địa tầng Cồn Sành (Nghệ Tĩnh) và một số vấn đề về gốm hoa lam	42
Tống Trung Tín và Bùi Minh Trí	
Thử tìm hiểu niên đại một số đồ gốm hoa lam qua so sánh hoa văn trên gốm với điều khắc trang trí Việt Nam cổ truyền	50
Nguyễn Đình Chiến	
Nhóm đồ gốm men thế kỉ 16 ký tên tác giả Đặng Huyền Thông	55
Trịnh Cao Tường	
Mở đầu và nghiên cứu thương cảng cổ Việt Nam trong lịch sử trên phương diện Khảo cổ học	66
Tống Trung Tín và Phạm Như Hồ	
Gốm ở một số bến, Cảng Nghệ Tĩnh.	70
Aoyagi Yoji (Nhật Bản)	
Đồ gốm Việt Nam đào được trên các hòn đảo ở Đông Nam Á	78
Mục lục	83

Tòa soạn
61 Phan Chu Trinh
Hà Nội

Điện thoại
2.63201
2.63858

CONTENTS

	Pages
Editor -in - chief:	
HA VAN TAN	BUI VINH
Deputy Editor:	Origins of Neolithic pottery centres in vietnam. 1
CHU VAN TAN	HAN VAN KHAN AND NGUYEN XUAN MANH
	Some preliminary remarks on the sequence of pottery in Dong Dau site (through the data of the fifth excavation). 9
	NGUYEN CHIEU, LAM THI MY DUNG AND VU THI NINH
	Ceramics in the excavation of ancient Cham site in Tra Kieu in 1990. 19
	DEPARMENT OF HISTORICAL ARCHAEOLOGY (VIETNAM INSTITUTE OF ARCHAEOLOGY) and HAI HUNG MUSEUM
	The third excavation of ceramic site in Hop Le (Hai Hung prov.) 31
	NGUYEN VAN Y
	Blue and white ceramics and glazed earthenwares in several production centres. 37
	PHAM QUOC QUAN
	Stratigraphy of Con Sanh and some problems of blue and white ceramics. 42
	TONG TRUNG TIN AND BUI MINH TRI
	An attempt to study the dates of some blue and white in the comparison of designs on ceramics with traditional decorative sculpture in Vietnam. 50
	NGUYEN DINH CHIEU
	Glazed ceramic group in the 16 th century signed by author Dang Huyen Thong 55
	TRINH CAO TUONG
	Preliminary archaeological study of ancient commercial ports in Vietnam. 66
	TONG TRUNG TIN AND PHAM NHU HO
	Ceramics from several ports in Nghe Tinh province. 70
Editorial Board:	AOYAGI YOJI (JAPANESE)
61 - Phan Chi Trinh	Vietnamese ceramics discovered from Southeast Asian Islands. 78
Hanoi	Contents. 83

ĐỒ GỐM TRONG CUỘC KHAI QUẠT DI CHỈ CHÀM CỔ Ở TRÀ KIỆU NĂM 1990

NGUYỄN CHIỀU, LÂM MỸ DUNG, VŨ THỊ NINH

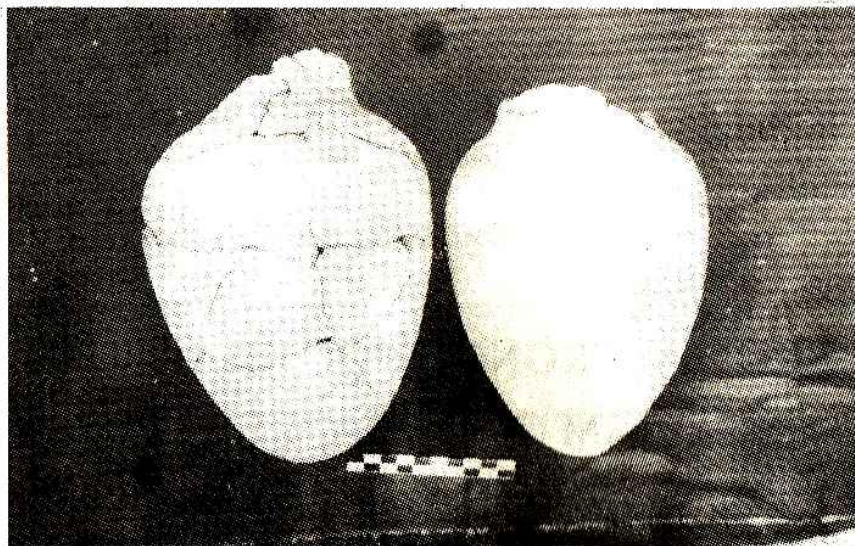
Trà Kiệu là một trong những khu di tích khảo cổ học quan trọng nhất của văn hóa Champa. Từ thập kỷ cuối cùng của thế kỷ trước và những thập kỷ đầu của thế kỷ này, Trà Kiệu đã có sức hấp dẫn rất mạnh mẽ sự chú ý của các học giả Pháp. Nhưng cùng chung số phận như tất cả những khu di tích khác ở Đồng Dương, Mỹ Sơn, Tháp Mẫm..., Trà Kiệu chỉ được chú ý bởi những công trình kiến trúc mà trong đó chứa đựng nhiều tác phẩm điêu khắc nghệ thuật quý giá, còn đồ gốm thì hầu như chưa được để ý. Và từ đó đến nay, chúng ta cũng vẫn chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, đầy đủ về gốm Chàm cổ nói chung và về gốm Chàm cổ ở Trà Kiệu nói riêng, "khiến ta rất phân vân. Nếu như văn hóa Sa Huỳnh nổi tiếng về kỹ thuật chế tác gốm, về sự phong phú của loại hình và sự độc đáo của màu sắc và hoa văn, thì cư dân sau Sa Huỳnh - người Chàm - lại không cho ta biết gì về sự tiếp tục phát triển nghề này của họ cả. Các loại đồ đựng bằng gốm không hề được giữ lại, hoặc được nói tới trong các thư tịch cổ..." (Lương Ninh 1985: 221).

Để góp phần "giải tỏa" sự phân vân ấy, năm 1990, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội cùng với Sở Văn hóa - Thông tin Quảng Nam - Đà Nẵng đã tiến hành khai quật di chỉ Trà Kiệu với diện tích khai quật $13,5m^2$ (trong di chỉ rộng hàng chục vạn m^2). Hố khai quật sâu 2,70m. Địa tầng trong hố rất phức tạp, trừ lớp mặt dày khoảng 0,04m, phần còn lại được chia thành 2 tầng văn hóa cơ bản: tầng I ở trên, từ độ sâu 0,04m đến khoảng 2,05m (từ lớp 3 đến lớp 13); tầng II ở dưới, từ độ sâu khoảng 2,05m đến 2,70m (đến sinh thổ); trong khoảng giáp ranh giữa hai tầng văn hóa có sự xáo trộn từ trước. Tuy vậy, vẫn có thể phân biệt được hiện vật của tầng văn hóa riêng biệt. Ngoài số ít hiện vật như xỉ đồng, xỉ sắt, thủy tinh..., trong hố khai quật ($12m^2$, không tính ở 13) đã thu được một số lượng lớn đồ gốm bao gồm 01 nồi nhỏ, 01 đĩa chân cao, 03 đĩa không chân đế, 02 bình hình trứng còn tương đối lành và 15.961 mảnh đồ gốm vỡ (Nguyễn Chiều, Lâm Mỹ Dung, Vũ Thị Ninh..., Hồ Xuân Tịnh 1990: 237 - 239). Nhìn chung, gốm ở đây không chỉ nhiều về số lượng mà còn rất phong phú về chất liệu, kỹ thuật chế tạo và loại hình...

Về chất liệu, gốm ở đây được chia thành 3 loại cơ bản: gốm thô, gốm hơi thô và gốm mịn. Theo quan niệm của chúng tôi thì gốm thô là loại gốm được làm bằng đất sét pha nhiều cát hạt thô, lẫn nhiều tạp chất, không được lọc rửa; gốm hơi thô là loại gốm được làm bằng đất sét đã qua quá trình lọc rửa để loại bớt những hạt cát thô và tạp chất, chỉ đọng lại những hạt cát nhỏ nhưng tỷ lệ cát trong loại gốm này khá cao làm cho gốm có độ rập lớn; còn gốm mịn là loại gốm được làm bằng đất sét đã lọc rửa kỹ hoặc được khai thác từ những nơi đất có chất lượng tốt sẵn, ở loại gốm này chỉ có những hạt cát nhỏ và tỷ lệ cát rất thấp, làm cho gốm trơn nhẵn hoặc chỉ có độ rập rất nhỏ.

Đồ gốm trong hố khai quật có khá nhiều kiểu khác nhau như nồi, vò, ấm, bát, đĩa... Dưới đây chúng tôi xin giới thiệu một số loại hình cơ bản.

1- Nồi: ngoài 01 chiếc nồi nhỏ tương đối lành lặn, còn 4163 mảnh nồi vỡ. chiếm gần 27% tổng số mảnh gốm. Trong những mảnh nồi, có 945 mảnh miệng, 2932 mảnh thân và 286 mảnh đáy.



Ảnh 1

Dạng chung của nồi là dáng không cao, thân hình cầu hoặc bán cầu, đáy tròn hoặc bằng, miệng rộng và loe. Xương gốm cứng và hơi thô, màu xám, mỏng đều do được làm bằng bàn xoay. Da gốm được phủ một lớp áo gốm nhưng do bị chôn vùi lâu ngày dưới đất ẩm nên hầu hết lớp áo gốm đã bị bong mất. Màu sắc bên ngoài không đồng nhất. Thân nồi thường có những đường vân chải chéo nhau hoặc vân thừng mịn. Ở khoảng giữa thân và vai của một số mảnh nồi có đường gờ nổi. Một số mảnh miệng được miết láng. Nhiều mảnh thân và đáy nồi có vết cháy xám đen.

Miệng nồi có 3 kiểu:

- Kiểu 1: miệng loe xiên, kiểu miệng này chiếm tỷ lệ lớn (86,2%) trong số những mảnh nồi. Đường kính miệng trung bình 22cm, có khi tới 41 cm. Một số mảnh miệng loe xiên nhưng có ria miệng hơi khum làm cho vành miệng hơi cong hình lòng máng. Vành miệng rộng từ 2,0 - 3,5cm, có cái rộng tới 5cm. Kiểu nồi này tập trung nhiều ở những lớp dưới của tầng văn hóa I và ở các lớp tầng văn hóa II.

- Kiểu 2: miệng đứng. Đây là miệng của kiểu nồi không có cổ, miệng liền với thân, ria miệng dày và tròn. Kiểu miệng này xuất hiện rất ít, chỉ chiếm 1,5% tổng số mảnh miệng nồi.

- Kiểu 3: miệng loe hơi ngang. Kiểu miệng này cũng xuất hiện ít, chúng chiếm khoảng 12,3% tổng số mảnh miệng nồi. Đây là những mảnh miệng của kiểu nồi có dáng rất thấp, miệng rộng, vành miệng gần trùng với mặt phẳng ngang.

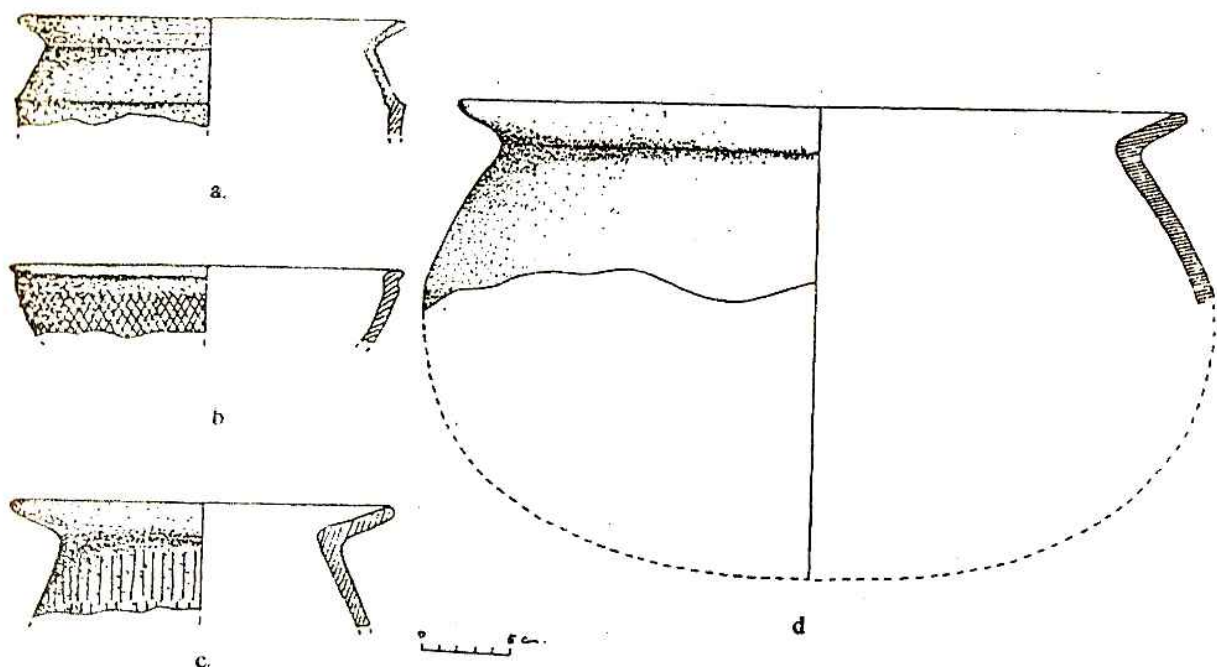
2- Vò:

Có 5268 mảnh, trong đó có 4784 mảnh vò đất nung và 484 mảnh vò sành.

Dáng chung nhất của vò là cổ ngắn, miệng đứng hoặc hơi loe, vai tròn và phình rộng, thân thu nhỏ dần xuống đáy, đáy bằng. Đường kính miệng và đáy gần bằng nhau, thường giao động trong khoảng 14-20cm. Chiều cao của các vò không đồng nhất, thường từ 20 - 30cm. Hầu hết các vò được làm bằng đất sét đã qua lọc rửa, xương gốm mịn, được chế tạo bằng bàn xoay. Trên một số mảnh vò có mang ký hiệu lạ.

Những mảnh vò đất nung thường có màu đỏ nhạt, hồng nhạt, vàng nhạt, hoặc xám nhạt. Một số mảnh có hoa văn in ở vuông. Hoa văn in ở vuông có 2 dạng: một dạng ở vuông nhỏ và một dạng ở vuông to. Có vò được in ở vuông dày đặc từ vai xuống đáy, nhưng cũng có vò chỉ được in ở vuông thành từng cụm thưa, mờ. Có 1 mảnh được in ở vuông nhỏ xen kẽ hoa văn xương cá và 1 mảnh in ở trán lồng. Còn lại phần lớn chỉ được trang trí bằng 1 hoặc 2 đường vạch chìm chạy vòng quanh vai vò.

Những mảnh vò sành thường có màu xám hoặc xám xanh, hoặc bên ngoài xám xanh, bên trong đỏ nhạt. Có vài mảnh được quét một lớp men mỏng màu đen xám hoặc nâu nhưng đã bị rạn và bong gần hết. Một số mảnh vai được gắn thêm tai trang trí. Hầu hết các vò sành chỉ được trang trí bằng một vài đường vạch chìm chạy vòng quanh cổ hoặc một vài đường dích dắc ở gần đáy. Thành vò thường dày khoảng 1cm và ở một số mảnh giáp đáy có độ dày rất lớn - tới 4cm. Nhiều mảnh còn để lại dấu vết kỹ thuật dải cuộn rất rõ ở phía trong. Một số ít vò có vai hẹp, thân gần như hình trụ, nhiều người gọi dạng vò



Hình 4 : a, b, c, d

này là hũ. Đặc biệt, trong số những mảnh vỡ sành có lần 2 mảnh được in hoa vân ô vuông, 2 mảnh được in hoa vân ô trám lồng và 1 mảnh được tạo hoa vân bằng cách vạch những nhóm đường thẳng song song chéo những nhóm đường thẳng song song khác, tạo thành một dạng hoa vân mà thoáng nhìn dễ lầm tưởng là hoa vân ô trám lồng (Hình 4 a, b, c, d).

3- Ấm:

Có 458 mảnh, chiếm 2,8% tổng số mảnh gốm thu được. Trong những mảnh ấm có 47 chiếc vòi còn khá nguyên vẹn, 108 mảnh miệng, 272 mảnh thân, 31 mảnh đáy. Những mảnh ấm tập trung nhiều trong các lớp phía dưới của tầng văn hóa I.

Chất liệu và màu sắc của những mảnh ấm cũng giống như ở vò. Ấm được chế tạo bằng bàn xoay, vòi và chân đế được chế tạo riêng rồi gắn chặt với thân.

Ấm ở đây thường có miệng loe rộng, rìa miệng dày và thường lõm hình lòng máng. Cổ ấm cao, hình ống và hơi thắt lại ở giữa. Thân ấm hình cầu và không có quai. Vòi ấm có nhiều kiểu khác nhau. Ấm được gắn chân đế rộng, cao và choãi.

Hoa văn trang trí rất đơn giản, thường có 1 hoặc 2 đường vạch chìm song song với nhau chạy vòng quanh ở phần giữa vai và thân ấm. Đôi khi giữa hai đường này có xen vạch hình sóng nước đơn hoặc kép.

Đáy có lẽ là loại ấm chỉ dùng để đựng nước hoặc đựng rượu mà không được dùng để đun nấu. Trong một số sách, báo nước ngoài thường gọi loại ấm này là kendi (Hình 5)

4- Bát:

Những mảnh bát tìm được trong hố khai quật có số lượng ít và thường khó phân biệt với những mảnh đĩa. Bát được làm bằng đất sét mịn hoặc đất sét có pha cát. Nhìn chung, bát có dáng thấp, miệng loe rộng, đế thấp hoặc không có đế (hình 6). Có thể ở đây cũng có kiểu bát bằng, vì có khá nhiều chân đế cao xuất hiện, nhưng thường mất gần hết phần trên nên không phân biệt được là chân đế bát hay đĩa hoặc cốc.

5- Đĩa:

Đĩa cũng có tình trạng gần như bát. Số lượng mảnh đĩa thu lượm được rất ít. Dựa vào một mảnh đĩa còn gần như nguyên lành, chúng tôi chia đĩa ra thành 2 kiểu:

- Kiểu 1: Đĩa có đáy bằng, đường kính đáy khoảng 5-6cm, cao khoảng 3cm, miệng loe rộng với đường kính 10cm, ria miệng hơi khum. Xương gốm cứng, hơi thô, màu đỏ gạch, được chế tạo bằng bàn xoay (hình 7a). Kiểu đĩa này cũng đã gặp ở giai đoạn muộn của văn hóa Sa Huỳnh.

- Kiểu 2: Đĩa có chân đế cao, đặc, miệng loe rộng, lòng nông. Dưới chân tạo thành một bản rộng có hình tròn dẹt. Xương gốm cứng, hơi thô, màu đỏ nhạt, da ráp. Đường kính miệng 12 cm. Chiều cao cả đế là 6,6cm, đường kính mặt đế 6,2cm. (Hình 7b).

6- Chân đế cao:

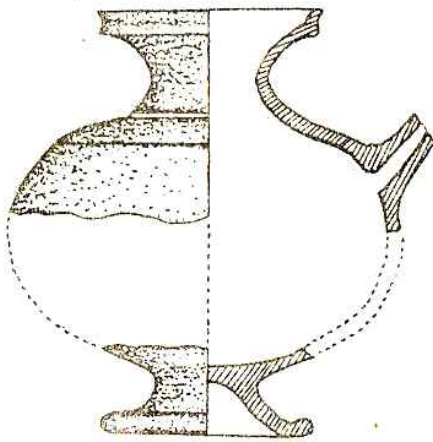
Có 6-7 chiếc chân đế cao bị vỡ mất phần trên nên không phân biệt được là chân đế của bát, đĩa hay cốc. Chúng phân bố tập trung ở tầng văn hóa II và rải rác ở các lớp dưới của tầng văn hóa I. Tuy hơi khác nhau về tiểu tiết nhưng nhìn chung những chân đế được chia thành 2 kiểu:

- Kiểu 1: Chân đế cao, đặc. Kiểu chân đế này ít thấy xuất hiện ở các di chỉ khảo cổ học khác, ngược lại, ở đây chân đế cao và đặc lại chiếm tỷ lệ lớn trong số những chân đế cao. Chúng có hình dáng tương đối giống nhau và chất liệu gốm hơi thô, xương gốm cứng, màu đỏ nhạt hoặc vàng nhạt, phần thân của chân đế có hình trụ tròn hơi thắt ở giữa, phần dưới của chân đế là một bản hình tròn dẹt. Có lẽ những chân đế kiểu này được làm bằng tay nên có nhiều chỗ lồi lõm (hình 8: a, b, c, d).

- Kiểu 2: Chân đế cao, rỗng. Kiểu chân đế này xuất hiện phổ biến ở các văn hóa Đông Sơn, Sa Huỳnh, Đông Nai... Ở đây chúng được làm bằng đất sét mịn + hồng pha cát hoặc pha rất ít cát mịn, màu hồng hoặc đỏ nhạt, được chế tạo bằng bàn xoay. Chân đế rỗng giữa, phía dưới chوài hình loa, được chế tạo riêng rồi gắn chấp với phần trên của hiện vật.

7- lọ.

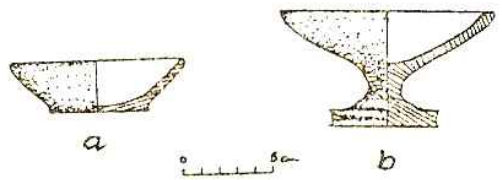
Có hình dáng giống như lọ hoa. Cổ cao, to dần xuống đáy. Đáy bằng. Xương gốm mịn. Màu đỏ nhạt hoặc hồng nhạt. Có chiếc được trang trí bằng hai đường song song chạy vòng quanh chỗ thân phình rộng nhất. Phía trong lòng của những chiếc lọ thường có những đường gò nổi cách đều nhau chạy theo hình xoáy tròn ốc vào giữa đáy. Những đường gò xoáy tròn ốc đó, không nghi ngờ gì nữa, là vết tích của



Hình 5



Hình 6



Hình 7: a,b

kỹ thuật bàn xoay nhanh (hình 9).

8- Vung (nắp đậy)

Có 208 mảnh, trong đó có 165 mảnh thân và 43 núp. Phần lớn mảnh vung và núp được làm bằng gốm mịn, một ít bằng gốm hơi thô. Có màu đỏ gạch non, màu vàng nhạt hoặc hồng nhạt. Hoa văn trang trí là những đường tròn đồng tâm mà tâm của những đường tròn là tâm của vung.

Vung được chế tạo bằng bàn xoay. Một số núp vung nhỏ (thuộc loại gốm hơi thô, có lẽ được làm bằng tay; các dạng núp vung khác được làm bằng bàn xoay).

Có hai kiểu vung: kiểu vung đáy úp và kiểu vung đáy ngửa.

- Kiểu vung đáy úp có 2 dạng:

- **Dạng 1:** thân vung khum hình chòm cầu. Phía rìa vung được bê ngang ra thành vành. Phía dưới (nơi giáp giới giữa thân vung và vành vung) có gờ nổi. Dạng vung này gần giống những chiếc nắp liễn hoặc chốe hiện nay (hình 10a).

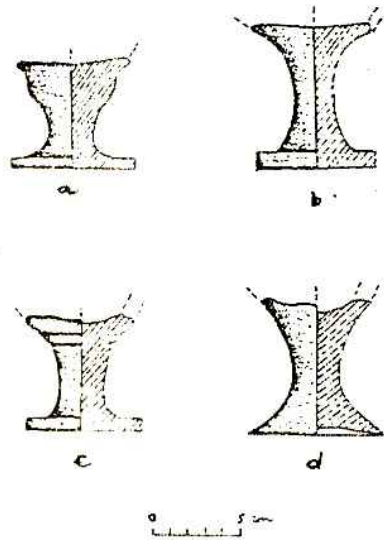
- **Dạng 2:** thân vung phẳng, vành ngoài gập xuống vuông góc với phần thân (hình 10b).

- Kiểu vung đáy ngựa, trông gần giống những chiếc đĩa đế ngựa, có núm ở giữa lòng và rìa cạnh hơi cong xuống (hình 10c).

Núm vung cũng có 2 kiểu.

- **Kiểu 1:** hình búp sen. Những núm vung to kiểu này thường là gốm mịn và rỗng giữa. Những núm nhỏ thường đặc.

- **Kiểu 2:** Hình trụ tròn, hơi thắt eo ở giữa. Những núm vung được làm bằng gốm hơi thô thường có mặt trên lồi, lõm đặc. Còn những núm vung được làm bằng gốm mịn thường có mặt trên hơi lõm hình lòng chảo và có lõi rỗng.



Hình 8: a, b, c, d

9- Bình hình trứng (1)

Trong hố khai quật chỉ có 2 chiếc tương đối nguyên lành sau khi đã được hàn gắn. Còn lại là 2152 mảnh, chiếm 13,48% tổng số mảnh gốm thu lượm được.

Bình hình trứng có chiều cao từ đáy đến miệng khoảng 28cm, miệng hơi leo với đường kính khoảng 10cm. Cổ hình ống cao khoảng 6cm, có đường kính chỗ gập miệng đó được khoảng 9cm. Vai hơi xuôi. Thân phình rộng ở phía trên và vuốt nhọn dần xuống phía đáy. Chỗ thân phình rộng nhất có đường kính khoảng 18cm. Miệng và cổ bình mỏng, được miết láng. Thân có thành dày, phía ngoài được tạo vân bằng một loại bàn đập có khắc rãnh sâu, thưa và song song với nhau. Phía trong lõi lõm, mang đậm dấu tích của hòn kê trong quá trình chế tạo. Da gốm vàng nhạt. Xương gốm thô, cứng thường có màu xám trắng, được làm bằng đất sét pha nhiều cát thạch anh thô (hình 11a, b. Ảnh 1)

10- Hộp gốm (?)

Một hiện vật gốm được tìm thấy ở lớp 3 thuộc tầng văn hóa I, có dáng gần giống phần đáy của một chiếc cốc vaj bằng gốm. Hiện vật được làm bằng gốm mịn, có đường kính miệng 5cm, đường kính đáy 4cm, cao 2cm. Dưới đáy phía ngoài có một đường gờ nhỏ như làm giá chân đế. Gốm được chế tạo bằng bàn xoay, không có vân trang trí. Đây có thể là phần dưới của một hộp gốm nhỏ.

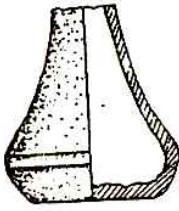
11- Ống thổi

Có một số mảnh ống thổi được tìm thấy trong các lớp 11, 12, 13 (chỗ có nhiều xỉ đồng và xỉ sắt), có mảnh còn dính xỉ sắt. Ống thổi có hình trụ tròn, rỗng giữa, đường kính từ 6-7cm, được chế tạo bằng tay. X- ống gốm cứng, thô, có pha nhiều cát hạt to. Thành ống có độ dày không đều có nhiều vết lõi lõm. Đây là những mảnh ống thổi được dùng trong công nghệ chế tạo đồ sắt, giống những mảnh ống thổi mà chúng tôi đã gặp ở khu luyện sắt cổ thuộc huyện Bình Sơn (Quảng Ngãi).

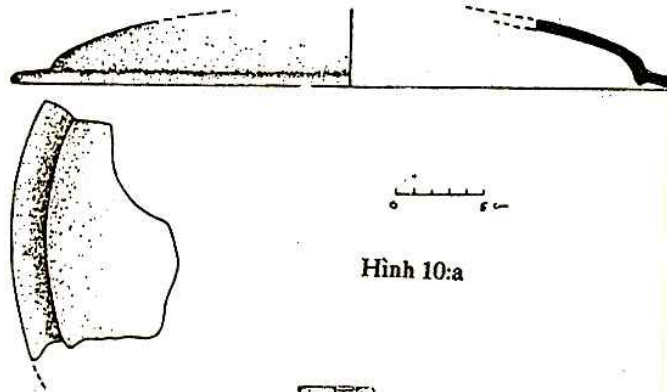
12- "Gốm có hình lưới lợn".

Đây là loại hình gốm mà chúng tôi chưa biết chính xác công dụng và tên gọi. Không có hiện vật nào còn lành. Vì những mảnh đầu tiên mà chúng tôi gặp có hình dáng rất giống với cái lưới lợn nên chúng tôi tạm gọi tên loại hình hiện vật này là "gốm có hình lưới lợn". Chúng được làm bằng đất sét pha nhiều cát nhỏ, có độ nung cao nên gốm rất cứng. Những hiện vật này có thể là một bộ phận của một loại bếp đun.

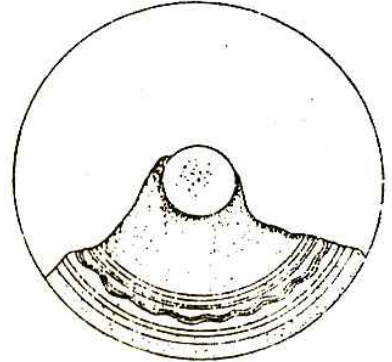
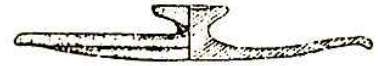
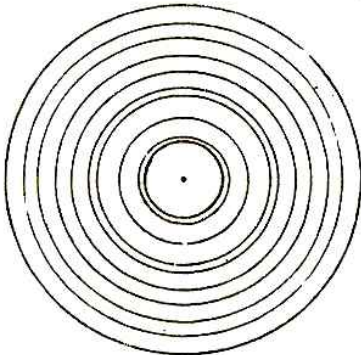
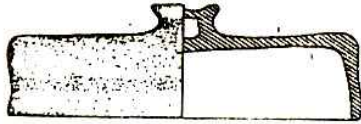
13- Gạch



Hình 9



Hình 10:a



Hình 10: b

Hình 10:c

Có 544 mảnh (trừ số gạch ở ô 13). Gạch tập trung nhiều nhất từ lớp 9 đến lớp 14. Kích thước gạch không đều nhau, thường có chiều rộng xấp xỉ 20cm, chiều dày xấp xỉ 10cm, dài khoảng 40cm. Không có hoa văn trang trí. Gạch ở đây được nung chín đều, màu đỏ tươi hoặc vàng nhạt, được làm bằng đất sét mịn, đôi khi cũng có pha thêm ít cát thô.

14- Ngói

Có 2992 mảnh. Tập trung nhiều nhất trong các lớp từ lớp 9 đến lớp 14. Ngói được làm bằng đất sét đã được chọn lọc kỹ nên khá mịn. Độ nung tốt nên ngói chín đều, màu vàng tươi hoặc đỏ gạch. Có thể ngói được làm bằng kỹ thuật đúc khuôn. Ngói ở đây có 2 kiểu. Ngói ống và ngói móc.

- Ngói ống: có 2805 (chiếm khoảng 93% tổng số mảnh ngói). Đối chiếu với những viên ngói còn lành ở nhà thờ Trà Kiệu, chúng tôi thấy ngói ống ở đây dài từ 30 - 50cm, có hình lòng máng với đường kính từ 10 - 30cm, dày 0,5 - 1,2cm. Nhìn theo mặt cắt ngang thì ngói có hình cánh cung, phần đuôi mỏng và có đường kính nhỏ hơn so với đường kính của thân ngói khoảng 2-3cm tạo thành một bậc thấp hơn so với thân ngói. Trong lòng ngói không có hoa văn. Phần trên lưng ngói được trang trí bằng những đường thẳng in sâu chạy dọc theo thân ngói hoặc những đường thẳng in sâu cắt chéo nhau không đều. Có một số mảnh ngói được in văn thừng mịn và một số mảnh có những ký hiệu lạ.

Ở hồ khai quật còn một số đầu ngói ống được trang trí hình mặt nạ. Những hình trang trí này chưa đựng những yếu tố tôn giáo Ấn Độ.

- Ngói móc: có 89 mảnh được phân bố ở các lớp trên của tầng văn hóa I. Kiểu ngói này thẳng, dài, đầu ngói vót nhọn hình tam giác cân, đuôi ngói được bẻ vuông góc với thân tạo thành một cái móc, hai

bên mép ngôi được cắt phẳng bằng dao sắc hoặc bằng một dụng cụ gì đó mỏng và nhọn. Độ dày của ngôi tương đối bằng nhau. Kích thước của ngôi mọc ở đây khá ổn định, thường dày 1cm, rộng 8,5cm, dài khoảng 25cm. Ngôi được làm bằng đất sét mịn, độ nung cao nên ngôi chín già đều, màu đỏ gạch, có viên gạch gần như sành, ở khu vực Chùa Vua, cách Trà Kiệu khoảng 4km về phía tây, có rất phổ biến kiểu ngôi này nhưng có nhiều kích cỡ khác nhau.

15- Gốm hình con tiện.

Thường được dùng để trang trí trên nóc các công trình kiến trúc. Trong lớp 14' có 2 hiện vật đều đã bị gãy (hình 12)

16- Những hiện vật gốm khác.

- Một hiện vật gốm có hình gần giống như chiếc gương đồng thời Hán. Hiện vật này làm bằng gốm mịn, màu vàng nhạt đã bị vỡ thành nhiều mảnh.

- Ngoài ra còn một số ít các mảnh nhỏ sành trắng men nhưng không xác định được loại hình và niên đại, chúng phân bố rải rác trong các lớp đào.

Sơ bộ nhận xét và kết luận.

Di chỉ Trà Kiệu là một di chỉ có diện tích rất lớn, được con người cư trú ở đây qua nhiều đời nhưng thời gian cư trú ở từng thời điểm trong di chỉ lại khác nhau: có điểm được cư trú liên tục, có điểm chỉ được cư trú trong giai đoạn sau và cũng có điểm chỉ được cư trú trong giai đoạn đầu, sau đó bị ngắt quãng một thời gian rồi mới được cư trú trở lại.

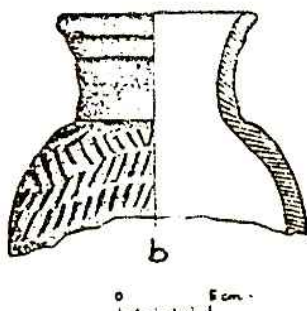
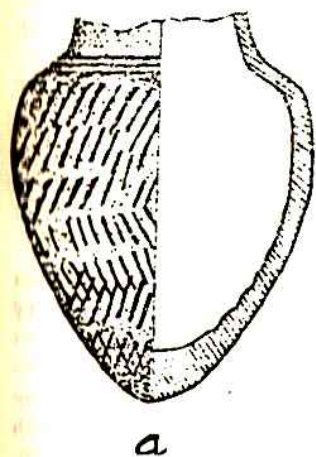
Cuộc khai quật lần này được thực hiện trên một diện tích quá hẹp so với diện tích toàn bộ khu di chỉ, giữa hai tầng văn hóa trong hố khai quật lại có sự xáo trộn. Vì vậy, nếu chỉ hoàn toàn dựa vào kết quả của cuộc khai quật này để nhận xét và kết luận về hố khai quật thì không thể bảo đảm được độ chính xác cao. Càng sai lầm hơn nếu như chỉ dựa vào kết quả của cuộc khai quật này để đưa ra những nhận xét và kết luận chung cho toàn bộ di chỉ. Dù sao, kết hợp dựa vào kết quả của hố thám sát hồi tháng 2-1990 và quan sát các hố đào vàng của nhân dân hiện nay, trên nhiều nơi cũng di chỉ (Nguyễn Chiêu 1990: 232 - 235), chúng tôi cũng sơ bộ đưa ra một số nhận xét và kết luận ban đầu về gốm trong hố khai quật lần này.

Nhìn chung, gốm ở 2 tầng văn hóa có nhiều xa cách nhau về chất liệu, kỹ thuật chế tạo và các loại hình... Tuy vậy, một số loại hình gốm gia dụng và chất liệu gốm hơi thô vẫn tiếp tục tồn tại ở tầng văn hóa I (chủ yếu ở các lớp dưới).

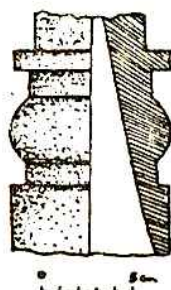
1- Gốm ở tầng văn hóa II

Những loại hình đồ gốm (đặc biệt là loại hình nồi) của chủ nhân tầng văn hóa II thể hiện mối quan hệ khá gần gũi với các loại hình đồ gốm thuộc những văn hóa Sa Huỳnh và phải chăng kiểu miệng nồi loe xiên đều được cả người Sa Huỳnh và cư dân ở đây ưa thích? Một số kiểu bát, đĩa chân đế cao và rộng cũng mang dáng dấp phong cách giai đoạn trước đó.

Hoa Văn trang trí nghèo nàn, đơn giản. Chủ yếu là hoa văn kỹ thuật: vân chải, vân thừng, khác vạch, miết láng... xu hướng này cũng đã thấy trong sự phát triển của gốm Sa Huỳnh muộn.



Hình 11: a, b



Hình 12

Gốm ở đây chủ yếu được làm bằng bàn xoay. Xương gốm cứng chứng tỏ độ nung cao. Đất để làm loại gốm hơi thô rõ ràng đã được lọc bớt tạp chất, hiếm thấy trường hợp độn thêm bã thực vật vào đất nguyên liệu. Những hiện tượng này đã xuất hiện ở giai đoạn muộn của văn hóa Sa Huỳnh (Trần Quốc Vương - chủ biên 1985: Di chỉ Đại Lãnh, Gò Đình...: 90).

Như vậy có thể nói rằng người Chăm cổ đã kế thừa truyền thống sản xuất gốm gia dụng của các cư dân trước họ. Nhưng cũng khác với các cư dân ấy, hầu như người Chăm cổ chỉ ưa chuộng những đồ đựng đồ đun nấu có hình dáng, đường nét mềm mại. Rất hiếm gặp trong tầng văn hóa này những hiện vật "góc cạnh", chỉ thấy một vài mảnh nổi có gáy góc ở giữa vai và thân. Xu hướng này phổ biến cả ở tầng văn hóa muộn hơn.

Kiểu nổi thứ 3 có miệng loe ngang, vành miệng gần như trùng với mặt phẳng ngang, số lượng không nhiều nhưng là kiểu mới xuất hiện, chưa gặp ở các giai đoạn sớm hơn.

Các đồ gốm có chân đế ở đây phần lớn là chân đế đặc. Kiểu chân đế này chưa gặp trong các di chỉ thuộc văn hóa Sa Huỳnh nhưng lại là một đặc điểm của văn hóa Đông Sơn (Goloubew 1938).

Đặc biệt, trong tầng văn hóa này có loại bình hình trứng. Đây là loại hình mới chỉ thấy xuất hiện ở Trà Kiệu nên chưa rõ nguồn gốc. Những đồ gốm có đáy như thế thường gặp ở vùng biển ở Hy Lạp, Ai Cập thời cổ đại, trong văn hóa Yang Saho (Trung Quốc) và ở Quảng Trị. Thường thì người ta gọi là loại gốm này là "bình đáy nhỏ" (vase à fond pointu) (Colani 1936 272). Ở Việt Nam, trong văn hóa Quỳnh Văn (thời đại Đá mới) có loại gốm đáy nhọn nhưng hình dáng khác hẳn. Gốm đáy nhọn ở Quỳnh Văn có mũi nhọn hoặc tù và nhô ra từ 1-3cm, mặt trong của đáy được táp thêm một lớp đất khác (Hà Văn Tấn 1976: 119 - 122); Nguyễn Kim Dung 1983: 29; Ngô Thế Phong 1986: 125 - 126). còn "gốm đáy nhọn" ở Bến Đò đều được gắn chân đế" (Diệp Đình Hoa 1978: 36) và được chế tạo bằng bàn xoay (Phạm Văn Kinh 1977: 20 - 11).

Bình hình trứng ở Trà Kiệu với kỹ thuật bàn đạp, hòn kê tồn tại trong thời kỳ mà kỹ thuật bàn xoay đã được sử dụng rộng rãi đặt ra cho chúng ta rất nhiều câu hỏi xung quanh nguồn gốc và chức năng của chúng. Để giải quyết thỏa đáng vấn đề này, chắc hẳn cần có những nghiên cứu mới cả về khảo cổ học cũng như dân tộc học. Ở đây, chúng tôi cũng xin nêu lên một vài nhận xét ban đầu: xu hướng tạo đáy tròn, hẹp đã thấy ở một số loại bình, nổi ở Bình Châu (Quảng Ngãi), chum hình trứng ở Phú Hòa (Đồng Nai), Hòa Vinh (Thuận Hải); một số vỏ linh khí ở di chỉ Đại Lãnh (Quảng Nam - Đà Nẵng). Ở đây số chum mai táng trong văn hóa Sa Huỳnh cũng gặp dấu vết kỹ thuật bàn đạp, hòn kê.

Bình hình trứng ở Trà Kiệu được chế tạo bằng một kỹ thuật có vẻ "lỗi thời", "xưa cũ" và việc chúng phân bố thành từng cụm lẫn than tro, xương động vật cùng các mảnh nổi, bát, đĩa vỡ khiến ta liên tưởng đến những khu mộ táng. Một số ví dụ khảo cổ học và dân tộc học (Trần Quốc Vương, Hà Văn Tấn, Diệp Đình Hoa 1975: 234 - 235) đã gợi cho chúng tôi ý nghĩa rằng có thể những bình hình trứng ở đây được sử dụng như những vật thờ cúng, vật thiêng.

Chỉ có vài ba mảnh vỏ sành in hoa văn ở vương hoặc ở trám lồng (một đặc trưng của vỏ Đông Hán - Trung Hoa) xuất hiện rất lẻ loi ở giữa những lớp dưới của tầng văn hóa I và đầu tầng văn hóa II đã thể hiện yếu tố ngoại lai rất mờ nhạt. Đồng thời nó cũng chứng tỏ "ách thống trị của nhà Hán ở phía Nam đèo Hải Vân hay thậm chí phía Nam đèo Ngang đều cơ bản là hữu danh vô thực" (Trần Quốc Vương - chủ biên 1985: 110). Mặt khác, đồ gốm trong tầng văn hóa II cũng đã góp phần phản ánh một xu thế chung là "bài ngoại" của các quốc gia mới giành được độc lập, đang vươn lên tự lực, tự cường.

2- Gốm ở tầng văn hóa I

Ở tầng văn hóa này, loại gốm mịn có màu đỏ nhạt, vàng nhạt, hồng nhạt, xám nhạt... giữ vị trí chủ đạo, loại gốm hơi thô tuy còn chiếm số lượng khá lớn nhưng có xu hướng giảm dần từ dưới lên trên; loại gốm thô đã triệt tiêu hẳn.

Kỹ thuật làm gốm mịn ở đây có lẽ được phát triển tiếp kỹ thuật làm gốm bằng đất sét lọc bớt những tạp chất từ những giai đoạn trước. Tuy nhiên, chúng tôi cũng không loại trừ khả năng du nhập kỹ thuật tiến bộ từ bên ngoài vào. Theo những hiểu biết hiện nay thì kỹ thuật lọc rửa đất sét để loại bỏ bớt cát, sỏi và các tạp chất đã xuất hiện ở nước ta từ rất sớm những việc ứng dụng vào sản xuất lại tương đối muộn, mãi đến thời đại đồng mới thấy gốm mịn xuất hiện và phát triển vào cuối sơ kỳ thời đại sắt, trong những thế kỷ trước Công nguyên (Diệp Đình Hoa 1978: 34). Chủ nhân của tầng văn hóa II đã rất thành thực kỹ thuật lọc rửa đất sét để sản xuất đồ gốm (gốm hơi thô) đồng thời vẫn sử dụng và duy trì gốm thô.

Lên tầng văn hóa I xuất hiện nhiều loại hình gốm mịn và gốm thô bị triết tiêu hẳn. Điều đó cũng thể hiện trình độ kỹ thuật sản xuất đồ gốm đã được nâng lên rất nhiều, có thể nói đó là sự tiến bộ nhảy vọt.

Loại vò được trang trí hoa văn in ở vương tồn tại suốt từ thời Hán đến thời Lục Triều, Tùy, Đường (Trung Hoa). Tuy nhiên, loại vò tìm được ở hố khai quật với màu sắc vàng nhạt, hồng nhạt gần gũi với gốm thời Lục Triều, Tùy, Đường hơn cả (Daisy Lion - Goldschmidt 1957: 68).

Bên cạnh những vò được trang trí hoa văn in ở vương là những vò không có hoa văn hoặc chỉ có 1-2 đường vạch chìm chạy vòng quanh vai, có hình dáng, chất liệu và màu sắc tương tự những chiếc vò gốm trong mộ gạch có niên đại đầu thời Đường ở Mã Cốc (Cổ Loa - Hà Nội) (Trần Quốc Vương, Hoàng Văn Khoán, Nguyễn Chiêu 1988: 210).

Một loại hình gốm đặc biệt trong tầng văn hóa này là âm (kendi) (2). Kendi với các kiểu dáng khác nhau phổ biến ở Đông Nam Á từ thế kỷ XI - XVIII (Brown 1988: 70, 1989: 126 - 127) và chiếc kendi sớm nhất, không tráng men được tìm thấy ở Đông Nam Á qua cuộc khai quật địa điểm Sras Sray (Cam-pu-chia) (Brown 1988: 50). Kendi ở Trà Kiệu, ngoài những đặc trưng chung của loại hình: bầu tròn, có vòi, không có quai, dùng để đựng nước hay đựng rượu mà không dùng để đun nấu, còn có những đặc điểm như: cổ cao vừa phải; chân đế cao, rộng, choãi giống như những chân đế bát đồng, mâm đồng của thời kỳ trước; thành miệng rộng, bẻ ra ngoài tạo thành hình phễu. Kiểu miệng này phổ biến trong gốm Quảng Đông thế kỷ VIII - IX (Brown 1988: 50). Kendi Trà Kiệu được trang trí bằng những đường vạch chìm, những đường sóng nước đơn hoặc kép là những loại hoa văn quen thuộc ở thời đại đồ đồng Bắc Bộ và Trung Bộ. Tất cả những điều nêu trên cùng với sự đồng nhất về chất liệu và màu sắc với những hiện vật khác trong tầng văn hóa, đưa chúng tới tới một logic: có lẽ những kendi ở đây có niên đại sớm hơn những kendi đã biết. Tuy nhiên, đây cũng chỉ là ý nghĩa ban đầu và cũng chỉ là giá thiết để làm việc mà thôi. Dù sao, trong tổng thể hiện vật, kendi cũng là loại hình có niên đại muộn giúp ta xác định đại cuối của tầng văn hóa.

Gạch, ngói trong hố khai quật đã bị vỡ hết, chúng mang những đặc tính chung của gạch, ngói ở các khu đền tháp Chăm và khác với gạch, ngói cùng thời kỳ ở Bắc Bộ (Tổng Trung Tín 1987). Một số mảnh đầu ngói ống ở đây tương tự những mảnh đầu ngói ống được xác định niên đại vào khoảng thế kỷ VII - VIII (Trần Quốc Vương, Hoàng Văn Khoán 1985: 237).

Trên một số mảnh vại vò, mảnh ngoài... có những ký hiệu lạ. Một vài ký hiệu tương tự cũng thấy trên các hiện vật gốm tìm được ở khu lò gốm cổ Đại Lai (Hà Bắc) có niên đại từ thế kỷ II đến thế kỷ VI (Trần Anh Dũng, Đặng Kim Ngọc 1985: 79). Nếu ví dụ này chúng tôi không cho rằng những ký hiệu nổi trên được nhập từ bên ngoài vào mà có lẽ cũng như người thợ gốm ở Bắc Bộ, người thợ gốm Chăm đã sử dụng những ký hiệu này để đánh dấu từng công đoạn sản xuất hoặc từng đối tượng tiêu thụ, và cũng có thể là đánh dấu có phân biệt sản phẩm của những người sản xuất khác nhau... Những ký hiệu này không chỉ có ở những sản phẩm mang yếu tố văn hóa Trung Hoa như vò có văn in ở vương... mà còn có ở cả những sản phẩm mang yếu tố văn hóa Ấn Độ như đầu ngói có hình makara, kala... Mặc dù trên đồ gốm ở tầng văn hóa này mang nhiều yếu tố văn hóa ngoại lai, nhưng không thể cho rằng đó là những biểu hiện của sự nhập cảng sản phẩm mà chỉ có thể cho rằng đó là những biểu hiện của sự giao lưu văn hóa, kỹ thuật. Cũng như ở Cổ Loa (Hà Nội), chúng ta tìm thấy rất nhiều yếu tố văn hóa Hán trên đồ gốm nhưng chúng ta lại tìm thấy lò nung những đồ gốm ấy ở ngay chân thành Cổ Loa (Trần Quốc Vương, Hoàng Văn Khoán, Nguyễn Chiêu 1988: 210).

Đồ gốm ở tầng văn hóa I đã phản ánh sự giao lưu văn hóa rất rộng rãi giữa Champa và các nước khác trên thế giới, đặc biệt là với Trung Hoa và Ấn Độ. Đây là thời kỳ mà con đường thông thương giữa Trung Hoa và Ấn Độ và các nước vùng vịnh Ba Tư bằng đường bộ qua vùng Trung Á gặp rất nhiều trở ngại bởi nạn cướp bóc, đồng thời giao thông thủy men theo bờ Tây của Thái Bình Dương đến bờ Đông và Bắc của Ấn Độ Dương, vào vịnh Ba Tư trở thành con đường giao thông chính giữa Trung Hoa và các nước ở phía Tây. Champa nằm ngay trên eo đường giao thông quan trọng ấy, cho nên sự giao lưu văn hóa rộng rãi của Champa thời kỳ này là tất yếu. Điều đó đã góp phần không nhỏ làm cho Champa hưng thịnh nhanh chóng. Là kinh đô, Trà Kiệu được thừa hưởng tất cả những sự ưu đãi đã giành cho vương quốc.

Tóm lại, Trà Kiệu là mảnh đất có bề dày lịch sử rất sâu đậm, chủ nhân của tầng văn hóa sớm ở đây đã trực tiếp kế thừa truyền thống văn hóa Sa Huỳnh và đồng thời sáng tạo nên bản sắc riêng của mình. Những thành tựu mà cư dân Sa Huỳnh đạt được đã là một trong nhiều điều kiện cho sự phát triển của

nền văn hóa mới. Đến đây chúng ta không phải bàn khoăn nhiều, khi "cho rằng chủ nhân văn hóa Sa Huỳnh là tổ tiên trực tiếp của những cư dân đã xây dựng các quốc gia Champa" (Hà Văn Tấn 1983: 49)

Trên cơ sở quốc gia được xác lập vững chắc, người Chăm xưa càng có điều kiện mở rộng quan hệ giao lưu văn hóa với bên ngoài, đặc biệt là với Trung Hoa và Ấn Độ - hai cường quốc đương thời để rồi trở thành yếu tố *Động - Nội sinh*, cùng yếu tố *Động - Ngoại sinh*, giao thoa và hội nhập, tạo lập nền văn minh Champa rực rỡ một thời.

BẢNG THÔNG KÊ MÃNH GỖ TRONG HỒ KHAI QUẬT
(Trở 0 13)

Loại hình Độ sâu Lớp dao (m)	Nội	Vỏ		Ấm	Vung	Sành có men	Gạch	Ngói		Bình hình trứng	Chân đé cao	Các gốm khác	Cộng
		Đất nung	Sành không men					ống	móc				
0 - 0,20	1	4	24	13	0	1	0	1	23	0	2	0	76
0,20 - 0,4	2	11	156	2	13	1	0	34	8	0	0	0	230
0,4 - 0,65	3	8	62	24	5	1	45	13	26	0	0	0	190
0,65 - 0,75	4	26	165	33	9	1	66	33	24	0	0	0	366
0,75 - 0,85	5	4	76	20	10	2	32	3	0	0	1	0	149
0,85 - 0,95	6	22	378	61	45	1	27	27	8	8	8	1	583
0,95 - 1,00	7	76	738	71	33	3	13	66	0	0	0	0	1013
1,0 - 1,15	8	41	472	52	34	2	25	61	0	0	0	0	696
1,15 - 1,25	9	208	758	20	40	4	59	130	0	0	5	1	1263
1,25 - 1,45	10	498	614	62	57	3	40	206	0	0	5	1	1527
1,45 - 1,60	11	249	332	41	44	1	73	341	0	0	0	1	1097
1,60 - 1,85	12	312	410	41	53	2	32	297	0	0	1	2	1358
1,85 - 2,05	13	446	256	16	49	1	41	842	0	0	4	0	1687
2,05 - 2,25	14	668	216	16	49	1	41	842	0	0	4	0	1687
2,25 - 2,35	14	520	47	7	11	0	8	128	0	0	15	12	790
2,35 - 2,45	16	505	50	2	22	0	0	38	0	0	8	32	887
2,45 - 2,70	17	565	30	8	9	1	0	37	0	1849	4	30	2539
Cộng	4163	4784	484	458	208	24	544	2903	89	2152	67	85	15.961

Chú thích

1- Trước đây chúng tôi sử dụng thuật ngữ "Bình đáy nhọn" để gọi loại hình này (Nguyễn Chiêu 1990: 232 - 235; Nguyễn Chiêu, Lâm Mỹ Dung, Vũ Thị Ninh... 1990: 237 - 239). Nhưng thuật ngữ ấy đã được dùng với một loại hình gốm khác (Hà Văn Tấn 1976: 119 - 122; Nguyễn Kim Dung 1983: 22 - 35; Ngô Thế Phong 1986: 125 - 127). Để phân biệt, chúng tôi tạm gọi là "bình hình trứng".

2- Kimdi là một thuật ngữ để gọi là ấm không dùng đun nấu mà chỉ để đựng. Cấu tạo gồm: một bầu rộng có cổ cao gắn vòi và chân đế, không có quai.

TÀI LIỆU DẪN

Brown R. 1988.

The Ceramics of South - East Asia - Their Dating and Identification, Oxford New York.

Brown R. 1989

Guang Dong Ceramics from Butuan and other Philippine Sites. Oxford University Press.

Colani M. 1936.

Essai d'ethnographie comparee, *B.E.F.E.O.*, XXXVI.

Daisy Lion - Goldschmidt 1957.

Les poteries et porcelaines Chinoise. France, Bản dịch, Tư liệu khoa Sử, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Diệp Đình Hoa 1978.

Suy nghĩ về gốm cổ ở các tỉnh phía nam, *Khảo cổ học* số 3, tr. 31 - 42.

Goloubew V. 1938.

L'Age du bront au Tonkin et dans le Nord Annam. *B.E.F.E.O.*, XXXVIII.

Hà Văn Tấn 1976.

Khai quật di chỉ Bãi Phôi Phối, trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1976*, tr. 1919 - 1922.

Hà Văn Tấn 1983.

Suy nghĩ về Sa Huỳnh và từ Sa Huỳnh, *thông báo khoa học* số 1, Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, tr. 45 - 50.

Lương Ninh 1985:

Cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Chăm. Sự hình thành và phát triển của vương quốc cổ Champa, trong *Lịch sử Việt nam tập 1, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội*, tr. 204 - 236.

Ngô Thế Phong 1986.

Suy nghĩ lại về kỹ thuật tạo dáng và hoa văn gốm đáy nhọn, trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1986*, tr. 125 - 127.

Nguyễn Kim Dung 1983.

Hai hệ thống gốm sớm trong thời đại Đá mới Việt Nam, *Khảo cổ học* số 1, tr. 22 - 35.

Nguyễn Chiêu 1990.

Khảo sát lại thành Trà Kiệu, trong *những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1990*, tr. 232-235.

Nguyễn Chiêu, Lâm Mỹ Dung, Vũ Thị Ninh, Trần Tuyết Minh,

Hoàng Thị Nhung, Hồ Xuân Tịnh 1990.

Khai quật di chỉ Chăm cổ ở Trà Kiệu (Quảng Nam - Đà Nẵng), trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1990*, tr 237 - 239.

Phạm Văn Kinh 1977.

- Khai quật Bến Dò (Thành phố Hồ Chí Minh), *Khảo cổ học* số 4, tr. 19 - 21.
- Tống Trung Tín 1987.
Vật liệu kiến trúc Việt Nam trong 10 thế kỷ sau Công Nguyên, *Khảo cổ học* số 4, tr. 45 - 60.
- Trần Anh Dũng, Đặng Kim Ngọc 1985.
Khu lò gốm cổ ở Đại Lai (Hà Bắc). *Khảo cổ học* số 1, tr. 71 - 80.
- Trần Quốc Vương (chủ biên) 1985
Những di tích thời tiền sử và sơ sử ở Quảng Nam - Đà Nẵng,
Sở Văn hóa và Thông tin Quảng Nam - Đà Nẵng xuất bản.
- Trần Quốc Vương, Hoàng Văn Khoán 1985.
Đầu ngói ống Trà Kiệu (Quảng Nam - Đà Nẵng),
trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1985*, tr. 235 - 237.
- Trần Quốc Vương, Hoàng Văn Khoán, Nguyễn Chiểu 1988.
Cổ Loa - Mùa diền đã khảo cổ học 1988. trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1988*,
tr. 209 - 211.
- Trần Quốc Vương, Hà Văn Tấn, Diệp Đình Hoa 1975.
Cơ sở khảo cổ học, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.

CERAMICS IN THE EXCAVATION OF ANCIENT CHAM SITE IN TRA KIEU IN 1990

NGUYEN CHIEU, LAM THI MY DUNG AND VU THI NINH

Two quite different periods of Cham ceramics have been identified through the excavation of Tra Kieu in 1990: The early period with some Sa Huynh characteristics, expressed by the forms, materials, decorative designs, and the late period with characteristics of Chinese and Indian cultures and a sudden change in ceramic forms and materials in comparison with the early period.